

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV24B4**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MD003008**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Bảng tính diện tử**

Số TC: **3**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454802030455	Ngô Huỳnh	Anh	15/08/2009				9	8.0	10.0	10.0		8.0		8.5
2	2454802030456	Nguyễn Thị Lan	Anh	13/05/2009				9	10.0	9.0	9.0		9.0		9.1
3	2454802030457	Đặng Phước	Bảo	22/09/2009				7	8.0	9.0	8.0		0.0	0.0	3.3
4	2454802030458	Nguyễn Văn	Bi	20/03/2009				8	8.0	8.0	9.0		0.0	0.0	3.3
5	2454802030460	Hà Minh	Duy	11/09/2009				9	7.0	10.0	9.0		8.5		8.6
6	2454802030461	Trần Bảo	Duy	10/08/2009				8	7.0	8.0	8.0		9.5		8.8
7	2454802030462	Hồ Hải	Đăng	03/07/2009				7	7.0	8.0	8.0		9.5		8.7
8	2454802030463	Nguyễn Nhất	Đô	22/11/2009				8	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6
9	2454802030464	Vũ Phan Minh	Đức	31/03/2009				8	8.0	8.0	9.0		9.0		8.7
10	2454802030465	Lê Thị Ngọc	Huyền	14/10/2008				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
11	2454802030466	Phú Văn	Kha	18/03/2009				8	7.0	9.0	8.0		9.5		8.9
12	2454802030468	Châu Quang	Kiệt	15/10/2009				8	9.0	8.0	9.0		6.5		7.3
13	2454802030469	Hoa Thị Hồng	Lan	23/09/2009				9	8.0	8.0	10.0		8.5		8.6
14	2454802030470	Nguyễn Thanh	Luân	08/10/2008				8	8.0	8.0	8.0		5.5		6.5
15	2454802030471	Nguyễn Xuân	Nam	04/02/2008				8	8.0	8.0	9.0		9.5		9.0
16	2454802030472	Nguyễn Đông	Nghi	04/05/2009				9	9.0	9.0	8.0		9.5		9.2
17	2454802030473	Đinh Bảo	Nghĩa	12/11/2009				8	8.0	9.0	9.0		9.5		9.1
18	2454802030474	Lê Trọng	Nghĩa	17/10/2009				9	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0
19	2454802030476	Đỗ Thành	Phát	19/01/2009				8	8.0	7.0	9.0		0.0	0.0	3.2
20	2454802030477	Phạm Thế	Phong	27/04/2009				7	8.0	7.0	8.0		0.0	0.0	3.0
21	2454802030478	Võ Hoài	Phong	07/06/2009				7	7.0	8.0	8.0		9.0		8.4
22	2454802030479	Dương Hoài	Phú	19/07/2009				8	8.0	9.0	9.0		6.0		7.0
23	2454802030480	Lữ Thiên	Phú	17/07/2009				8	9.0	8.0	9.0		8.5		8.5
24	2454802030481	Nguyễn Thị Kim	Thanh	08/01/2009				9	9.0	10.0	8.0		8.0		8.4
25	2454802030483	Trần Văn	Thuận	07/06/2009				8	9.0	8.0	8.0		8.0		8.1
26	2454802030485	Danh Thị Thu	Thủy	08/12/2009				8	8.0	9.0	8.0		9.5		9.0
27	2454802030486	Võ Thị Kim	Tiền	02/09/2009				8	8.0	8.0	9.0		9.0		8.7
28	2454802030487	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	27/10/2009				8	9.0	9.0	8.0		8.0		8.2
29	2454802030488	Nguyễn Công	Trí	17/02/2009				9	9.0	8.0	9.0		6.0		7.1
30	2454802030489	Trần Thùy	Trình	27/03/2009				8	8.0	8.0	9.0		10.0		9.3
31	2454802030490	Đỗ Hồng	Trúc	14/03/2009				9	8.0	9.0	9.0		6.5		7.4
32	2454802030491	Thái Phú	Vinh	07/07/2009				7	9.0	9.0	8.0		9.0		8.8
33	2454802030492	Huỳnh Thị Tường	Vý	18/04/2009				9	9.0	9.0	8.0		9.5		9.2

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 31 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Lý Thành Luân